

KẾ HOẠCH

Thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND ngày 17/07/2026 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 105/2026/QĐ-UBND ngày 31/07/2026 của UBND tỉnh Quy định về phân cấp phê duyệt, quản lý dự án và cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ trong thực hiện dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 7871/UBND-CNNXD ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Thái nguyên ngày 31/12/2025 về việc thực hiện Công văn số 3230/BDTTG-VPQGDTMN ngày 29/12/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc rà soát, chuyển nguồn vốn kéo dài sang năm 2026 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định 592/QĐ-SNNMT ngày 18/9/2025 của Sở Nông nghiệp

và Môi trường về việc phân bổ kinh phí chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 cho Trung tâm Khuyến nông và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên ngày 22/5/2026: Số 580/QĐ-SNNMT về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dong riêng, số 581/QĐ-SNNMT điều chỉnh Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trồng ngô, 582/QĐ-SNNMT điều chỉnh Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị ngô ngọt, 583/QĐ-SNNMT điều chỉnh Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gà thịt thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện năm 2026;

Căn cứ Tờ trình và Dự toán của 02 Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị khoai tây (giống Marabel) và (giống Actrie) của Hợp tác xã Nông sản an toàn Bình Minh.

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch Thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm tại địa phương.
- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026.

2. Yêu cầu

- Thông báo về Kế hoạch, điều kiện, hồ sơ, thời hạn tiếp nhận hồ sơ, đánh giá, lựa chọn và kết quả lựa chọn dự án phải được công khai đầy đủ, kịp thời.
- Lựa chọn các dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục và có tính khả thi, phù hợp với mục tiêu, đối tượng, địa bàn, nội dung hỗ trợ của Chương trình.

II. NỘI DUNG

1. Điều kiện lựa chọn và phương thức, nội dung, mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1.1. Điều kiện lựa chọn

- Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phải xác định được

kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho từng loại dự án phát triển sản xuất của từng ngành nghề, lĩnh vực quản lý theo quy định chuyên ngành.

- Các dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

1.2. Phương thức, nội dung và mức hỗ trợ

a, Phương thức hỗ trợ

Theo Điều 26, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025.

b, Nội dung hỗ trợ

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất.

- Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực sau (*áp dụng theo định mức kinh tế, kỹ thuật quy định tại Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND tỉnh*):

- + Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

- + Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất;

- + Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón;

- + Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản;

- + Hỗ trợ dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng: Vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng;

- Tổ chức các đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm dự án sản xuất hiệu quả và các cách làm hay tại các địa phương.

- Hỗ trợ quản lý dự án, các lớp tập huấn và xây dựng tài liệu theo quy

định.

c, Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ tối đa không quá 90% tổng chi phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực III, xã An toàn khu, thôn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực II; không quá 70% tổng chi phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực I nhưng tối đa không quá 5.000 triệu đồng/01 dự án thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình.

- Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án

+ Hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/hộ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Hỗ trợ tối đa 70 triệu đồng/hộ đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ có thành viên là người có công với cách mạng, hộ dân tộc thiểu số.

+ Hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/hộ đối với đối tượng còn lại.

+ Hỗ trợ chủ trì liên kết: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu đề xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

2. Thành phần hồ sơ

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là chủ trì liên kết xây dựng hồ sơ đề nghị thực hiện dự án liên kết theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, gồm:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 kèm theo kế hoạch này.

- Nội dung dự án theo Mẫu số 02 kèm theo kế hoạch này.

- Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ trì liên kết theo Mẫu số 03 kèm theo kế hoạch này.

- Cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; bản sao hợp đồng liên kết có chứng thực.

- Các hồ sơ, giấy tờ, văn bản, tài liệu khác có liên quan.

3. Thời gian, cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cách thức nhận hồ sơ

1.1. Dự kiến thời gian thực hiện

- Thời hạn nhận hồ sơ: **Trước ngày 10/10/2026.**

- Thời gian khảo sát, đánh giá dự án: **Trước ngày 25/10/2026.**

- Thời gian tổ chức đánh giá lựa chọn dự án: **Trước ngày 05/11/2026.**

- Thời gian công khai thông tin kết quả lựa chọn, thời gian nhận đơn kiến nghị, giải đáp thắc mắc (Công khai kết quả lựa chọn tại trụ sở làm việc và trang

thông tin của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên): **Trước ngày 10/11/2026.**

- Thời gian hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền lựa chọn dự án: **Trước ngày 15/11/2026.**

1.2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Tổ 10, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên. Thông tin chi tiết liên hệ: Ông Nguyễn Hữu Tiệp – Phó Trưởng phòng Thông tin – Đào tạo, SĐT: 0913.004.806.

1.3. Cách thức nhận hồ sơ

Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng hồ sơ đề nghị dự án theo quy định gửi bằng một trong các hình thức sau đây:

Trực tiếp: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

- Qua bưu chính: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giao tại Quyết định 592/QĐ-SNNMT ngày 18/9/2025.

2. Tổng kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện: 835.449.182 đồng (*bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm tám mươi hai đồng*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị UBND các xã, phường

Thông báo kế hoạch đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn; đồng thời hướng dẫn các đơn vị xây dựng hồ sơ dự án liên kết để đăng ký tham gia thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo quy định.

Phối hợp rà soát, xác nhận thông tin về đối tượng tham gia dự án theo quy định; tham gia khảo sát, đánh giá và tổ chức thực hiện dự án.

2. Phòng Thông tin – Đào tạo

- Chủ trì thông báo Kế hoạch; tiếp nhận, hướng dẫn các đơn vị có nhu cầu xây dựng hồ sơ; tổ chức kiểm tra, khảo sát, đánh giá và lựa chọn dự án theo quy định.

- Công khai kết quả lựa chọn và tiếp nhận, giải quyết kiến nghị; tham mưu hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, lựa chọn, phê duyệt dự án.

- Đăng tải kế hoạch trên trang thông tin điện tử của Trung tâm và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan.

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án, theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Lưu: VT, TTĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Tiến Dũng